TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST
Ngày 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Đắc Tính.

Ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lô Văn T, sinh ngày: 09/10/1993, tại xã T, huyện P, tỉnh A; nơi cư trú: Bản N, xã T, huyện P, tỉnh A; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): Chưa qua trường lớp nào; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lô Văn T1, sinh năm: 1967 và bà Vi Thị Đ (Đồng), sinh năm: 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; nhân thân: Ngày 25/02/2014 bị cáo Lô Văn T bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh A tuyên phạt 02 năm tù về tội "Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", (Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được đương nhiên xóa án tích theo điểm b, khoản 2, Điều 70 Bộ luật hình sự); bị bắt, tạm giam từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Sương - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Ông Nguyễn T1 (X), sinh năm 1968; trú tại: Cụm 3, Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện N, tỉnh H. Có mặt.

+ Bà Tô Thị Thu S, sinh năm 1971; trú tại: Cụm 3, Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện N, tỉnh H. Vắng mặt (Đã có Giấy ủy quyền ngày 04/4/2018 cho chồng là ông Nguyễn T1, sinh năm 1968).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Duy B, sinh năm: 1969; Trú tại: Trạm Kiểm lâm L, huyện N, tỉnh H. Có mặt.

+ Anh Đoàn Văn B, sinh năm: 1976; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện N, tỉnh H. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Trọng C, sinh năm: 1985; Trú tại: Thôn T, xã S, thị xã ST, thành phố H. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thành N, sinh năm: 1981; Trú tại: Hạt Kiểm lâm N, tỉnh H. Vắng mặt.

+ Anh Hà Văn N, sinh năm: 1981; Trú tại: Xã Q, huyện P, tỉnh A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 02/02/2018, Lô Văn T, sinh năm 1993, trú tại: Bản N, xã T, huyện P, tỉnh A, là công nhân của Tập Đoàn T đang thi công công trình đường La Sơn - Túy Loan tại địa phận thôn 1, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến gặp anh Phạm Trọng C là người quản lý công nhân xin ứng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn) để về quê ăn tết. Sau đó, T đi bộ ra đường 14C thì gặp một người không quen biết xin đi nhờ xe ra thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, chạy được một lúc thì người đó nói T xuống xe để đi vào nhà. T xuống xe và đi bộ đến đường tỉnh lộ 14B hướng ra thị trấn Khe Tre. Khi đến trước nhà ông Nguyễn T1, sinh năm 1968, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện N, tỉnh H, T thấy một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 75M1 - 010.56 đang để ở sân nhà và còn chìa khóa đang cắm ở ổ khóa điện của xe mô tô. Thấy không ai trông giữ nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô và lén lút dắt xe ra đường khoảng 10 m thì nổ máy điều khiển xe chạy khỏi hiện trường. Sau khi lấy trộm chiếc xe mô tô nêu trên, do không xác định được hướng đi nên T đã chạy theo đường tỉnh lộ 14B vào lại đường 14C đến trước nhà anh Đoàn Văn B, ở tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện N thì T dừng lại hỏi đường để đi ra khỏi địa bàn huyện Nam Đông, được anh B chỉ đường T điều khiển xe mô tô lấy trộm được chạy theo hướng Nam Đông - La Sơn. Khi đến trạm Kiểm lâm La Hy, T đã bị lực lượng Công an huyện Nam Đông bắt giữ cùng tang vật của vụ án.

Theo Bản kết luận số 01/KL-HĐĐG ngày 05/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Đông xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn: Xanh trắng, số khung: 10CY-146076, số máy: 55P1-146079, biển kiểm soát 75M1-010.56 có giá trị là 21.500.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn).

Ngày 12/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại tài sản cho chủ sở hữu là ông Nguyễn T1.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-NĐ ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đôngtỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lô Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lô Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay ông Nguyễn T1 và bà Tô Thị Thu S là bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Ý kiến của người bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lô Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai của bị cáo với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 02 tháng 02 năm 2018 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là ông Nguyễn T1 và bà Tô Thị Thu S, bị cáo Lô Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn: Xanh trắng, số khung: 10CY-146076, số máy: 55P1-146079, biển kiểm soát 75M1-010.56. Tổng giá trị bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 21.500.000 đồng (Hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn).

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã ngang nhiên chiếm đoạt tài sản, thể hiện tính tham lam, liều lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Với hành vi, hậu quả và tài liệu chứng cứ nêu trên, bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Lô Văn T không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, ngày 25/02/2014 bị cáo Lô Văn T bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh A tuyên phạt 02 năm tù về tội "Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", (Bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích theo điểm b, khoản 2, Điều 70 Bộ luật hình sự) Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ ly hôn khi bị cáo mới ba tuổi. Mặt khác, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không được đi học, trình độ hiểu biết, nhận thức pháp luật còn hạn chế; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hơn nữa, trong vụ án này, lỗi một phần cũng do người bị hại không trông giữ tài sản của mình cẩn thận, không rút chìa khóa ra khỏi xe, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát, Kiểm sát viên cho rằng: Bị cáo có tiền án là không có cơ sở. Vì tại điểm b, khoản 2, Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách của án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a)……..

b) 02 năm trong trường hợp phạt tù đến 05 năm.

Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định là "Phạm tội do lạc hậu" là không có cơ sở, bởi lẽ: Theo quy định tại mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999, thì chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội do lạc hậu" nếu lạc hậu đó là do nguyên nhân khách quan đưa lại, như do đời sống xã hội nên không hiểu biết hoặc kém hiểu biết về pháp luật, không được học tập, không có điều kiện thực tế để nhận biết các đúng sai trong cuộc sống…nhưng tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô là vi phạm pháp luật, bị cáo biết là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do đó, khi quyết định hình phạt căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để có hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về phần xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Tại phiên toà, ông Nguyễn T1 không có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Lô Văn T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố bị cáo Lô Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Lô Văn T 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 02 năm 2018.

2. Về án phí, buộc bị cáo Lô Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được được bản án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hồ Minh Thược

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm nhân dân huyện Nam Đông;
- Trại tạm CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan Điều tra CA huyện Nam Đông;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HSVA; án văn.